

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy định Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Thông báo số 173/TB-VPCP ngày 10/5/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ tại Hội nghị toàn quốc triển khai xây dựng mô hình khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu;

Thực hiện Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh về ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Thực hiện Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của UBND tỉnh về ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 - 2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Thực hiện Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định Bộ tiêu chí thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới; Quy trình xét, công nhận, công bố thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 1846/SNNPTNT-VPNTM ngày 15/8/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2020 (có Quy định kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, các xã; Trưởng các thôn, làng; các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Chỉ đạo Trung ương các CTMTQG (b/c);
- Văn phòng điều phối NTM Trung ương;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Thành viên BCD các CT MTQG tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Ngọc Thành

QUY ĐỊNH

**Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu thực hiện
trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 584 /QĐ-UBND ngày 27 /9 /2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)*

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2020.

2. Đối tượng áp dụng:

- Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu được áp dụng để thực hiện tại các khu dân cư (thôn, làng) đã đạt chuẩn nông thôn mới.
- Bộ tiêu chí vườn mẫu trong xây dựng nông thôn mới được áp dụng để thực hiện cho các hộ gia đình có vườn (*diện tích từ 1.000 m² trở lên*) thuộc địa bàn các xã xây dựng nông thôn mới trên toàn tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

Việc đăng ký, xét, công nhận, công bố khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu phải được thực hiện thường xuyên, liên tục hàng năm, đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, minh bạch; tránh hình thức, chạy theo thành tích; đúng điều kiện, trình tự, thủ tục và phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Thẩm quyền xét, công nhận và công bố

Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố xét, công nhận và công bố khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu.

Điều 4. Điều kiện xét, công nhận

1. Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu phải đảm bảo các điều kiện:
 - Có đăng ký khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu với UBND cấp xã và được UBND cấp xã, UBND cấp huyện đưa vào kế hoạch thực hiện;
 - Khu dân cư thuộc các thôn, làng đã đạt chuẩn nông thôn theo Bộ tiêu chí thôn, làng nông thôn mới quy định tại Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định Bộ tiêu chí thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới; Quy trình xét, công nhận, công bố thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2020;

- Đạt chuẩn các tiêu chí trong Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu quy định tại Quyết định này.

2. Vườn mẫu nông thôn mới phải đảm bảo các điều kiện:

- Có đăng ký xây dựng vườn mẫu, được UBND cấp xã, UBND cấp huyện đưa vào kế hoạch thực hiện;

- Đạt chuẩn các tiêu chí trong Bộ tiêu chí vườn mẫu quy định tại Quyết định này.

CHƯƠNG II

TIÊU CHÍ KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU, VƯỜN MẪU

Điều 5. Tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu:

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Nhà ở và công trình phụ trợ	1.1. Tỷ lệ nhà ở dân cư đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng	≥90%
		1.2. Đồ đạc trong nhà của từng hộ được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học.	Đạt
		1.3. Nhà ở có kiến trúc phù hợp với phong tục, tập quán đặc trưng của từng dân tộc, địa phương.	Đạt
		1.4. Số hộ có đủ 3 công trình vệ sinh (nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước) được bố trí phù hợp, thuận tiện cho sinh hoạt, hợp vệ sinh.	100%
2	Vườn hộ và công trình chăn nuôi	2.1. Có ít nhất 03 vườn mẫu được công nhận	Đạt
		2.2. Tối thiểu 90% số hộ đạt các yêu cầu sau: - Diện tích cây xanh/tổng diện tích đất làm nhà ở và đất vườn đạt trên 35%; diện tích cây cho sản phẩm hàng hóa chủ lực/diện tích trồng cây đạt trên 50%. - Có hệ thống tưới, tiêu nước; cảnh quan đẹp, vệ sinh môi trường đảm bảo, không còn cây dại, cây tạp trong vườn.	Đạt
		2.3. Có 80% trở lên số hộ có hàng rào (cây xanh, hoa, vật liệu khác); cổng ngõ được xây dựng, sửa sang đẹp, hài hòa với phong cảnh miền quê.	Đạt
		2.4. Tối thiểu có 90% số hộ chăn nuôi có chuồng trại đúng quy cách kỹ thuật, tương lai đi đến sử dụng bể Biogas hoặc chế phẩm sinh học, đảm bảo vệ sinh môi trường.	Đạt
3	Thu nhập và hộ nghèo	3.1. Thu nhập: Thu nhập bình quân đầu người giai đoạn 2019-2020 + Năm 2019: 45 triệu đồng. + Năm 2020: 50 triệu đồng.	Đạt
		3.2. Không còn hộ nghèo (trừ trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội hoặc do bệnh hiểm nghèo, do tai nạn rủi ro bất	Đạt

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		khả kháng)	
4	Đường giao thông	4.1. Đường trục chính trong khu dân cư: - 100% đường có mặt đường sạch, được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt quy định của Bộ Giao thông Vận tải. - Từ 90% trở lên đường đã có lề mỗi bên ít nhất 1m. - Từ 90% trở lên đường có rãnh thoát nước hai bên đường. - Cấm mốc đầy đủ hành lang đường theo quy hoạch nông thôn mới được phê duyệt. - Từ 90% trở lên đường có cây bóng mát hai bên đường (khoảng cách cây tối đa là 10m).	Đạt
		4.2. Đường ngõ, xóm trong khu dân cư: - 100% đường được cứng hóa và kết nối với đường trục chính trong khu dân cư. - Từ 90% trở lên đường có lề mỗi bên tối thiểu 0,5m. - Từ 90% trở lên đường có rãnh thoát nước mặt đường. - Từ 90% trở lên đường có cây bóng mát ở hai bên đường.	Đạt
5	Nơi sinh hoạt văn hóa và thể thao	Có nơi sinh hoạt văn hóa và thể thao tại nhà văn hóa và khu thể thao thôn, làng đạt chuẩn theo quy định	Đạt
6	Hệ thống điện	6.1. Hệ thống điện đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật ngành điện (lưới điện, trạm biến áp phân phối đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo khoảng cách an toàn, chất lượng điện đảm bảo sự ổn định của điện áp trong mức cho phép).	Đạt
		6.2. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện, có sử dụng một số thiết bị tiết kiệm điện.	100%
		6.3. Tỷ lệ km đường trục chính trong khu dân cư có hệ thống điện chiếu sáng.	≥ 80%
7	Văn hóa, y tế, giáo dục	7.1. Văn hóa: - Thôn, làng (viết tắt là Khu dân cư) được công nhận và giữ vững danh hiệu “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa” liên tục tối thiểu 5 năm. - Có từ 90% trở lên hộ gia đình được công nhận Danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm. - 100% người dân được phổ biến và thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. - Thôn, làng giữ gìn và phát huy tốt bản sắc văn hóa dân tộc.	Đạt

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		7.2. Giáo dục: - 100% trẻ em trong độ tuổi được đi học mẫu giáo (trừ trường hợp trẻ em bị bệnh bẩm sinh, không thể đi học). - 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1, trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6. - Không có học sinh bỏ học; không có học sinh vi phạm pháp luật. - Trên 90% học sinh tốt nghiệp THCS học lên THPT, trung cấp, dạy nghề	Đạt
		7.3. Y tế: - 100% trẻ em dưới 2 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia. - Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) còn dưới 20%. - Không phát sinh đối tượng mắc bệnh xã hội trong năm xét công nhận. - Có từ 95% trở lên người dân tham gia BHYT	Đạt
8	Vệ sinh môi trường	8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh	100%
		8.2. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	≥ 70%
		8.3. 100% dân cư tham gia ký quy ước/cam kết BVMT của khu dân cư; Không còn tình trạng vứt rác nơi công cộng; Cảnh quan khu dân cư xanh sạch đẹp; có ít nhất 01 tuyến đường thực hiện mô hình “Con đường hoa/hàng rào xanh”	Đạt
		8.4. Các hộ dân trong khu dân cư có hệ thống xử lý tự hoại hoặc mương thoát nước thải đảm bảo vệ sinh, không gây ô nhiễm môi trường.	Đạt
		8.5. Có Tổ vệ sinh môi trường, có điểm tập kết rác thải chung; rác thải phải được phân loại ngay từ hộ gia đình (hữu cơ, vô cơ và có túi hoặc thùng ghi rõ từng loại rác).	Đạt
		8.6. Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh tại khu dân cư chấp hành đầy đủ thủ tục về môi trường theo quy định	100%
9	An ninh, trật tự xã hội	9.1. An ninh, trật tự đảm bảo; không có vụ việc hình sự xảy ra; không có cá nhân hoạt động chống Đảng chính quyền, phá hoại kinh tế, truyền đạo trái pháp luật, tham gia hoạt động phục hồi FULRO, “TLĐG.	Đạt
		9.2. Không có tụ điểm phức tạp về an ninh, trật tự xã hội và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội.	Đạt
10	Chấp hành pháp luật, quy ước,	10.1. Tỷ lệ người dân chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, quy ước, hương ước.	100%

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
	hương ước và các quy định khác	10.2. Hộ dân đóng góp các loại quỹ đã thống nhất trong cộng đồng dân cư và các khoản khác theo quy định của pháp luật đầy đủ, đúng thời gian.	100%

Điều 6. Tiêu chí vườn mẫu:

Số TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	Có bản vẽ hoặc sơ đồ quy hoạch - thiết kế vườn do chủ hộ lập và được UBND xã xác nhận.	Đạt
		Thực hiện đúng quy hoạch - thiết kế được UBND xã xác nhận.	Đạt
		Diện tích đất thực hiện vườn mẫu phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng do cấp có thẩm quyền cấp và không xảy ra tranh chấp	Đạt
2	Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật	Có đủ điện, nước phục vụ sản xuất; có sử dụng hệ thống tưới tiết kiệm nước tiên tiến hoặc ít nhất có áp dụng một trong các ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến khác vào sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến.	Đạt
3	Sản phẩm từ vườn	Sản phẩm hàng hóa sản xuất tập trung, đặc trưng trong vườn được công nhận sạch, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	Đạt
4	Môi trường- Cảnh quan	4.1. Có hàng rào (bằng cây xanh, vật liệu khác,...)	≥ 80%
		4.2. Tỷ lệ cây xanh trong diện tích đất ở, đất vườn của hộ gia đình.	≥ 40%
		4.3. Chuồng trại chăn nuôi đúng quy cách kỹ thuật, có sử dụng bể Biogas hoặc chế phẩm sinh học, đảm bảo vệ sinh môi trường.	Đạt
		4.3. Trong vườn có đường đi thuận tiện để vận chuyển sản phẩm, vật tư phục vụ sản xuất, thu hoạch. Chất thải rắn hộ gia đình trước khi tập kết tại điểm thu gom phải được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp.	Đạt
5	Thu nhập từ vườn	- Vườn mẫu tại các xã Khu vực III của tỉnh hàng năm tối thiểu doanh thu đạt 30 triệu đồng/1.000 m ² . - Vườn mẫu tại các xã Khu vực I, II của tỉnh hàng năm tối thiểu doanh thu đạt 50 triệu đồng/1.000 m ² .	Đạt

CHƯƠNG III

QUY TRÌNH XÉT, CÔNG NHẬN, CÔNG BỐ

KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU

Điều 7. Trình tự, thủ tục xét, công nhận khu dân cư kiểu mẫu:

1. Đăng ký khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu

- Trước ngày 31/12 của năm liền kề trước năm đánh giá, Ban Phát triển thôn, làng có văn bản đăng ký phần đầu đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu báo cáo UBND cấp xã (theo mẫu số 01 tại phần Phụ Lục ban hành kèm quy định này).

- UBND cấp xã kiểm tra và có văn bản (theo mẫu số 02 tại phần Phụ lục ban hành kèm quy định này) đề nghị UBND cấp huyện đưa vào kế hoạch thực hiện đối với thôn, làng có khu dân cư có đủ điều kiện phần đầu đạt chuẩn trong năm đăng ký.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được văn bản của UBND cấp xã), UBND cấp huyện có văn bản trả lời UBND cấp xã, Ban phát triển thôn, làng về kết quả đưa vào kế hoạch thực hiện khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

2. Trình tự công nhận khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu

Trình tự công nhận khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu gồm các bước:

- Ban phát triển thôn, làng tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí theo Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

- UBND xã tổ chức thẩm tra, đề nghị, xét công nhận khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- UBND cấp huyện tổ chức thẩm định, Chủ tịch UBND huyện Quyết định công nhận, công bố khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

3. Tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu

3.1. Tổ chức tự đánh giá

Ban phát triển thôn, làng tự tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí theo quy định của Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và báo cáo UBND xã.

3.2. Tổ chức lấy ý kiến

Ban Công tác Mặt trận thôn, làng tổ chức họp thôn, làng để lấy ý kiến thống nhất của người dân về việc đề nghị xét, công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, yêu cầu cuộc họp phải có từ 50% trở lên đại diện hộ dân trong thôn, làng tham dự, lập biên bản cuộc họp ghi rõ kết quả đại diện số hộ dân thống nhất hoặc không thống nhất (bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu) và các ý kiến tham gia khác nếu có.

3.3. Hoàn thiện hồ sơ

- Ban phát triển thôn, làng hoàn chỉnh báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu gửi UBND xã đề nghị thẩm tra xét công

nhận khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; (theo mẫu số 03 tại phần Phụ Lục ban hành kèm quy định này).

- Hồ sơ đề nghị xét, thẩm tra công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu gồm:

+ Báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

+ Biên bản họp thôn, làng (theo mẫu 04 tại phần Phụ Lục ban hành kèm quy định này)

4. Tổ chức thẩm tra, đề nghị xét công nhận khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu

4.1. Tổ chức thẩm tra

UBND xã thành lập Tổ thẩm tra kết quả đạt được các tiêu chí của khu dân cư đề nghị xét công nhận khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới (thành phần gồm thành viên Ban quản lý xã, đại diện các tổ chức, đoàn thể của xã, cán bộ chuyên môn...) nhằm đánh giá cụ thể mức độ đạt từng tiêu chí của từng khu dân cư.

4.2. Tổ chức lấy ý kiến

UBND cấp xã tổng hợp danh sách các khu dân cư đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, công bố trên hệ thống truyền thanh xã trong thời gian 10 ngày để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn.

4.3. Hoàn thiện hồ sơ

- UBND cấp xã tổ chức họp (gồm Tổ thẩm tra tiêu chí thôn, làng nông thôn mới) để lấy ý kiến thống nhất danh sách từng khu dân cư được đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, cuộc họp chỉ được tiến hành khi có 90% trở lên số thành viên được mời dự họp có mặt; UBND cấp xã hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận từng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu khi có ít nhất 90% đại biểu dự họp thống nhất, trình UBND cấp huyện.

- Hồ sơ đề nghị thẩm định, xét, công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, gồm:

+ Tờ trình của UBND cấp xã về việc đề nghị thẩm định, xét, công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; (bản chính, theo mẫu 05 tại phần Phụ Lục ban hành kèm quy định này).

+ Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; (bản chính, theo mẫu 06 tại phần Phụ Lục ban hành kèm quy định này).

+ Biên bản họp của UBND cấp xã (theo mẫu 07 tại phần Phụ Lục ban hành kèm quy định này).

(kèm theo hồ sơ của thôn, làng được quy định tại mục 3.3, khoản 3, Điều 7 của Quy định này)

5. Tổ chức thẩm định, công nhận khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu

5.1. Tổ chức thẩm định

- UBND cấp huyện thành lập Đoàn thẩm định kết quả thực hiện tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu (gồm đại diện lãnh đạo Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện và các thành viên là đại diện lãnh đạo các đơn vị chuyên môn cấp huyện được giao phụ trách các tiêu chí thôn, làng nông thôn mới) nhằm thẩm định mức độ đạt được từng tiêu chí của Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

Các thành viên Đoàn thẩm định theo tiêu chí được giao phụ trách có văn bản báo cáo kết quả thẩm định gửi về Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả thẩm định để báo cáo Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG và UBND cấp huyện.

5.2. Tổ chức xét, công nhận

- Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG các huyện, thị xã, thành phố tổ chức họp (gồm thành viên Ban Chỉ đạo, Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện) để thảo luận, bỏ phiếu kín lấy ý kiến thống nhất việc đề nghị công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu cho từng khu dân cư, từng vườn (cuộc họp chỉ được tiến hành khi có 90% trở lên số thành viên được mời dự họp có mặt).

- Văn phòng điều phối nông thôn mới cấp huyện hoàn thiện hồ sơ, trình chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định khi có từ 90% trở lên ý kiến nhất trí của các đại biểu dự họp.

5.3. Hồ sơ trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, gồm:

- Tờ trình của Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện về việc đề nghị công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; (bản chính, theo mẫu 08 tại phần Phụ Lục).

- Biên bản họp xét, công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp huyện (bản chính, theo mẫu 9 tại phần Phụ Lục).

- Báo cáo thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; (bản chính, theo mẫu 10 tại phần Phụ Lục).

(kèm theo hồ sơ đề nghị xét, công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của UBND cấp xã được quy định tại mục 4.3, khoản 4, Điều 7 của Quy định này).

Điều 8. Tổ chức công bố

- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố công bố khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và công khai trên đài phát thanh, trang thông tin điện tử của cấp huyện.

- Mẫu giấy công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; theo mẫu 11 tại phần Phụ Lục).

- Lễ công bố khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu do UBND cấp xã thực hiện trên địa bàn thôn, làng được công nhận, đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, không phô trương. Thời hạn tổ chức công bố khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu là 30 ngày, kể từ ngày quyết định công nhận.

Điều 9. Quy trình xét, công nhận, công bố vườn mẫu:

Áp dụng tương tự như quy trình xét, công nhận, công bố khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu được quy định tại Điều 7, Điều 8 của Quy định này.

**CHƯƠNG IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện vướng mắc, phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện, báo cáo đề xuất UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020 để chỉ đạo xử lý;

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai xây dựng mô hình khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu trên địa bàn.

2. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao, ban hành văn bản hướng dẫn (cụ thể hóa nội dung tiêu chí/chỉ tiêu phụ trách, danh mục hồ sơ chứng minh kết quả thực hiện), chỉ đạo, giúp đỡ địa phương thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí theo quy định tại Quyết định này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các hội, đoàn thể các cấp, cơ quan thông tin đại chúng phối hợp tuyên truyền, vận động thực hiện tốt Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu theo quy định tại Quyết định này.

4. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, phân công nhiệm vụ cho các ban, ngành của huyện hướng dẫn các xã tổ chức thực hiện khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu trên địa bàn.

- Hàng năm, ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu trên địa bàn và gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các địa phương có văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua

Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh) để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh, UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. *hct*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Võ Ngọc Thành

PHỤ LỤC
CÁC MẪU HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI
Kiểu mẫu, Vườn mẫu

(Kèm theo Quy định tại Quyết định số/QĐ-UBND ngày/...../2019 của
UBND tỉnh Gia Lai)

Mẫu số 01

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....
THÔN/LÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

BẢN ĐĂNG KÝ

Xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm

Kính gửi: UBND xã....., huyện

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày/..../2019 của UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quy định Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2020;

Tính đến tháng..... năm, khu dân cư tại thôn/làng có số tiêu chí đã đạt chuẩn theo quy định là/....., đạt%, đảm bảo theo yêu cầu quy định của Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, giai đoạn 2019-2020 và có đủ điều kiện phấn đấu thành khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện hoàn thành các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; thôn/ làng..... xã.....huyện.....đăng ký và cam kết thực hiện hoàn thành các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định để được công nhận đạt chuẩn năm....

Kính đề nghị UBND xã, huyện....., xem xét đưa vào kế hoạch chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;

-

-

TM. BAN PHÁT TRIỂN THÔN
TRƯỞNG BAN

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

(Áp dụng tương tự cho vườn mẫu)

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-....

....., ngày tháng năm

V/v đăng ký “Khu dân cư nông
thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu”
năm

Kính gửi: UBND huyện/thị xã/thành phố.....

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2019 của UBND tỉnh
Gia Lai ban hành Quy định Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn
mẫu thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2020;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND cấp huyện);

Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá thực tế mức độ đạt chuẩn các tiêu chí khu
dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu của Ban Phát triển thôn các thôn ...

Tính đến tháng năm ..., xã có khu dân cư đã đạt chuẩn theo
quy định từ ... đến tiêu chí và có vườn đạt chuẩn theo quy định từ ...
đến ... tiêu chí và có đủ điều kiện phấn đấu thôn đạt chuẩn khu dân cư nông thôn
mới kiểu mẫu, vườn mẫu trong năm gồm:

1. Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu:

Khu dân cư tại thôn đạt/ 10 tiêu chí, đạt%;

Khu dân cư tại thôn đạt/ 10 tiêu chí, đạt%;

.....

2. Vườn mẫu:

Vườn hộ tại thôn đạt/5 tiêu chí, đạt%;

Vườn hộ tại thôn đạt/5 tiêu chí, đạt%;

.....

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ và khả năng thực hiện hoàn thành các tiêu
chí trên địa bàn các thôn nêu trên, UBND đăng ký và cam kết khu
dân cư và vườn nêu trên sẽ thực hiện hoàn thành các tiêu chí theo quy định
trong năm để được công nhận “khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu”, “vườn
mẫu” năm ...

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân xem xét, đưa vào kế hoạch chỉ
đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT.

TM. UBND

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

UBND XÃ.....
 THÔN, LÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, giai đoạn 2019-2020 của thôn, làng.....

I. Khái quát quá trình tổ chức triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thôn, làng

II. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tóm tắt về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thôn, làng
2. Thuận lợi
3. Khó khăn

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng nông thôn mới

1. Về công tác thông tin, tuyên truyền và tham gia tập huấn

2. Về Phát triển kinh tế - xã hội

- a) Phát triển sản xuất nông nghiệp.
- b) Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề nông thôn.
- c) Xây dựng cơ sở hạ tầng.

3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới

Tổng kinh phí đã thực hiện: triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách cấp trên hỗ trợ:triệu đồng, chiếm%;
- Nhân dân đóng góp triệu đồng, chiếm %.

IV. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu

Tổng số tiêu chí thôn (làng) tự tổ chức đánh giá đạt đảm bảo theo quy định là/..... tiêu chí, đạt%, cụ thể:

1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

.....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai, thực hiện:

.....

- Các nội dung đã thực hiện:

.....

- Khối lượng thực hiện:

.....

- Kinh phí thực hiện:

.....
c) Tự đánh giá: Mức độ đạt được tiêu chí(Trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí)

2. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

.....
b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai, thực hiện:

.....
- Các nội dung đã thực hiện:

.....
- Khối lượng thực hiện:

.....
- Kinh phí thực hiện:

.....
c) Tự đánh giá: Mức độ đạt được tiêu chí(Trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí)

n. Tiêu chí số về

V. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được
2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân
3. Bài học kinh nghiệm
4. Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

- Ban chỉ đạo các CTMTQG xã (b/c);
- Lưu Ban phát triển thôn (làng).

TM. THÔN, LÀNG....
TRƯỞNG THÔN, LÀNG
(Ghi rõ họ tên)

(Áp dụng tương tự cho vườn mẫu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên thôn), ngày ... tháng ... năm

BIÊN BẢN
HỘI NGHỊ DÂN CƯ THÔN

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ... tại thôn ... xã ... Ban Công tác Mặt trận thôn tổ chức hội nghị dân cư để lấy ý kiến thống nhất về việc đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm...

- Chủ trì Hội nghị: (Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn ghi rõ họ, tên, chức danh):.....

- Thư ký Hội nghị: (ghi rõ họ, tên, chức danh)

- Thành phần tham gia:

1. Thành phần tham gia ý kiến: (Đại diện các hộ gia đình trong thôn).

2. Tổng số hộ gia đình trong thôn:hộ

3. Tổng số hộ có đại diện tham dự Hội nghị: ...hộ, chiếm. ..% số hộ trong thôn.

- Nội dung Hội nghị:

1. Ông (bà).....(Trưởng Ban công tác mặt trận thôn) thông qua Báo cáo kết quả xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của

2. Ý kiến tham gia vào Báo cáo kết quả xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của của đại diện các hộ gia đình trong thôn.

+

3. Ban Công tác Mặt trận thôn thực hiện các thủ tục lấy ý kiến thống nhất của đại diện các hộ gia đình trong thôn về việc đề nghị xét, công nhận ... đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm (bằng hình thức biểu quyết hoặc lấy phiếu, nếu thực hiện theo hình thức lấy phiếu phải ghi rõ thành phần và hoạt động của tổ kiểm phiếu).

Kết quả lấy ý kiến:

+ Ý kiến thống nhất: người (phiếu), chiếm%.

+ Ý kiến không thống nhất:người (phiếu), chiếm%.

4. Các ý kiến tham gia khác của đại diện các hộ dân: (mời các đại biểu có ý kiến không thống nhất nêu lý do không thống nhất).

5. Thư ký hoàn thiện và thông qua Biên bản tại Hội nghị.

Hội nghị kết thúc hồi.....giờ.....phút cùng ngày. Các đại biểu tham dự đã thống nhất nội dung biên bản và lập thành 02 bản có giá trị như nhau, 01 bản lưu tại thôn, 01 bản gửi kèm hồ sơ đề nghị xét, công nhận ... đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm

....., ngày.....tháng.....năm.....

Thư ký
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì
(ký, ghi rõ họ tên)

(Áp dụng tương tự cho vườn mẫu)

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTr-UBND

....., ngày tháng năm 20....

TỜ TRÌNH

**Về việc thẩm định, xét, công nhận
đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm**

Kính gửi: UBND

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2019 của UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quy định Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2020;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND cấp huyện);

Căn cứ Biên bản thẩm tra các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn của Tổ thẩm tra;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày/...../20.... của UBND về việc đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu;

Xét đề nghị của Ban Phát triển thôn về việc đề nghị xét, công nhận ... đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm

UBND kính trình UBND thẩm định, xét, công nhận đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm...

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

- Tờ trình của UBND về việc đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

- Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

- Biên bản họp UBND

- Hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của thôn

Kính đề nghị UBND xem xét, thẩm định./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

-;

- Lưu: VT,

TM. UBND**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Áp dụng tương tự cho vườn mẫu)

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND , ngày tháng năm

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đối với năm 20.....

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2019 của UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quy định Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2020;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND cấp huyện);

Căn cứ đề nghị của Ban Phát triển thôn về việc đề nghị xét, công nhận ... đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm

Căn cứ kết quả thẩm tra hồ sơ và đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn của Tổ thẩm tra, UBND xã báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....).

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu

2.1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....
- Các nội dung đã thực hiện:

.....
- Khối lượng thực hiện:

.....
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

2. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....
- Các nội dung đã thực hiện:

.....
- Khối lượng thực hiện:

.....
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả
thăm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số về

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu

- Tổng số tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của đã
được UBND thăm tra đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu
tính đến thời điểm thăm tra là:/10 tiêu chí, đạt%.

-

*(Kèm theo biểu kết quả thăm tra các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới
kiểu mẫu)*

III. KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

- UBND huyện (b/c);
- Văn phòng ĐP NTM huyện (b/c);
- Lưu...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ghi rõ họ tên)

(Áp dụng tương tự cho vườn mẫu)

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN

**Họp đề nghị xét, công nhận
đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm**

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2019 của UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quy định Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2020;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND cấp huyện);

Căn cứ báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đối với năm 20.....;

Căn cứ đề nghị của Ban Phát triển nông thôn mới thôn về việc đề nghị thẩm tra các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn

Hôm nay, vào lúc giờ phút ngày .../.../..... tại, UBND (huyện/thị xã/thành phố, tỉnh) tổ chức họp đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;
- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;
- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Tổ thẩm tra tiêu chí thôn nông thôn mới ... báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đối với năm 20.....;

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về kết quả thực hiện các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn

.....

3. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị thẩm định, xét, công nhận đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm là/tổng số thành viên tham dự cuộc họp, đạt%.

Biên bản kết thúc hồi giờ phút ngày .../.../....., đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí ...%.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND lưu bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu gửi UBND huyện/thị xã/thành phố bản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Áp dụng tương tự cho vườn mẫu)

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....
VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTr-VPĐP

....., ngày tháng năm 20....

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị công nhận
đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm**

Kính gửi: Chủ tịch UBND

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2019 của UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quy định Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2020;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND cấp huyện);

Căn cứ Báo cáo số/BC-VPĐP ngày .../.../20... của VPĐP nông thôn mới về thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu cho ...;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày/...../20.... của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG về việc đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu;

Xét đề nghị của UBND tại Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... về việc thẩm định, xét, công nhận ... đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm ...;

Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện/thị xã/thành phố kính trình Chủ tịch UBND huyện/thị xã/thành phố ... xem xét, công nhận đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

- Báo cáo thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của

- Biên bản họp xét, công nhận thôn đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG

- Hồ sơ đề nghị thẩm định, xét, công nhận đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của UBND

Kính đề nghị Chủ tịch UBND huyện/thị xã/thành phố xem xét, quyết định đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm .../.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-
- Lưu: VT,

CHÁNH VĂN PHÒNG

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Áp dụng tương tự cho vườn mẫu)

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN

**Họp xét, đề nghị công nhận
đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm**

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2019 của UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quy định Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2020;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND cấp huyện);

Căn cứ Báo cáo số/BC-VPĐP ngày .../.../20... của VPĐP nông thôn mới về thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu cho ...;

Căn Cứ đề nghị của UBNDtại Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... về việc thẩm định, xét, công nhận ... đạt chuẩn dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm,

Hôm nay, vào lúc giờ phút ngày .../.../..... tại, Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG huyện/thị xã/thành phố (tỉnh) tổ chức họp xét, đề nghị công nhậnđạt chuẩn dân cư nông thôn mới kiểu mẫu nông thôn mới, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;
- Ông (bà):- Chức vụ, đơn vị công tác;
- Ông (bà):- Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện/thị xã/thành phố báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu cho

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về kết quả thẩm định hồ sơ và thực hiện các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu cho

-

3. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị công nhận đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm là/tổng số thành viên tham dự cuộc họp, đạt%.

Biên bản kết thúc hồi giờ phút ngày .../.../....., đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí ...%.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG huyện/thị xã/thành phố; UBND huyện/thị xã/thành phố lưu bản; để làm hồ sơ đề nghị công nhậnđạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu trình Chủ tịch UBND huyện/thị xã/thành phố bản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Áp dụng tương tự cho vườn mẫu)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....
VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-VPĐP

....., ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO

**Về việc thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí
khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của**

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2019 của UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quy định Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2020;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND cấp huyện);

Căn cứ đề nghị của UBNDtại Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... về việc thẩm định, xét, công nhận ... đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm ...;

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ và đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn của Đoàn thẩm định, VPĐP nông thôn mới huyện/thị xã/thành phố báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu cho cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Thời gian thẩm định (từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....).

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu

mẫu

2.1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....
- Các nội dung đã thực hiện:

.....
- Khối lượng thực hiện:

.....
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm định so với yêu cầu của tiêu chí).

2. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....
- Các nội dung đã thực hiện:

.....
- Khối lượng thực hiện:

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.
c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả
thẩm định so với yêu cầu của tiêu chí).
n. Tiêu chí số về

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu

- Tổng số tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của đã được UBND huyện thẩm định đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu tính đến thời điểm thẩm định là:/10 tiêu chí, đạt%.

-
(Kèm theo biểu kết quả thẩm định các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu của)

III. KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

-
-

CHÁNH VĂN PHÒNG
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Áp dụng tương tự cho vườn mẫu)

**MẪU GIẤY CÔNG NHẬN THÔN, BUÔN... ĐẠT CHUẨN KHU DÂN CƯ NÔNG
THÔN MỚI KIỂU MẪU**

(Quốc huy) (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM (2)
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN (3)

CÔNG NHẬN (4)

Khu dân cư, thôn/làng xã, huyện (5)

Đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm (6)

Quyết định số:/QĐ-CT

....., ngày tháng năm ... (8).

ngày / / (7)

CHỦ TỊCH (10)

Vào Sổ số:/QĐ-UBND (9)

Nguyễn Văn A (11)

Yêu cầu:

1. Kích thước:

- Chiều dài: 360 mm, chiều rộng: 237 mm.
- Hoa văn bên trong: chiều dài 325 mm, chiều rộng 202 mm.

2. Chất liệu và định lượng: Giấy trắng, định lượng: 150g/m².

3. Hình thức: Xung quanh trang trí hoa văn màu, chính giữa phía trên in Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1).

4. Nội dung:

- Dòng 1, 2: Quốc huy, Quốc hiệu (2)

Khoảng trống

- Dòng 3: Thẩm quyền Quyết định (3)
- Dòng 4: Công nhận (4)
- Dòng 5: Tên khu dân cư, thôn, làng (5)
- Dòng 6: Đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu năm.... (6)

Khoảng trống

- Dòng 7:
- + Bên trái: Quyết định số, ngày, tháng, năm (7)
- + Bên phải: Địa danh, ngày, tháng, năm (8)
- Dòng 8:
- + Bên trái: Số sổ vàng (9)

+ Bên phải: Thẩm quyền ký (10) :

Khoảng trống (3,5 cm): chữ ký, dấu

- Dòng 9: Họ và tên người ký quyết định (11)

Ghi chú:

- (1): In hình Quốc huy.

- (2): Quốc hiệu:

+ Dòng chữ: "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" (chữ in đậm, màu đen).

+ Dòng chữ: "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" (chữ thường, đậm, màu đen),

(3): Thẩm quyền quyết định: (chữ in, màu đỏ).

(4): Chữ in, màu đen.

(5): Chữ in, màu đỏ.

- (6), (7), (8), (9): Chữ thường, màu đen.

- (10): Chữ in, màu đen.

- (11): Chữ thường, màu đen.

- Cỡ chữ trong nội dung, đơn vị tự quy định cho phù hợp, đảm bảo hình thức đẹp, trang trọng.